

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+P6+BK19	7:25	21+1+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
2		BK15+BK5+PPD	7:25	1+2+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3		CNV+BK9+BK8	9:25	15+5+2	0+0+0		7+7+0	0+0+0	chuyen 6 bk9-bk8
4		CTK3+BK20+RC4	9:25	20+2+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
5		T.UNG	11:20	15	0		19	0	
6		RC3+TD1+AMD	11:25	6+9+7	0+0+0		1+9+11	0+0+0	
7		TD5+PPD+CTK3	11:25	6+6+10	0+0+0		0+1+19	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: AMD - P6 - BK19	CREW: Nam - N.Cuong - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

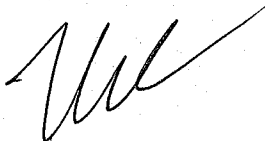
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VO BA LINH	AMD	88-89	2	15		75	HLJOC	Vietnamese
2	LA NGOC HOAN	AMD	90	1	5	45	72	HLJOC	Vietnamese
3	THAN CANH THINH	AMD	80-81	2	15		72	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN BINH PHUONG	AMD	82-83	2	15		72	TLJOC	Vietnamese
5	NGO SY KHOI	AMD	64	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN LAM	AMD	61	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH KHOA	AMD	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRUNG KIEN	AMD	77-78	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TRI TRUNG	AMD	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG THE KHAI	AMD	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	MUHAMMAD MUHAJIMIN BIN ABD GHAN	AMD	74-75	2	10		60	BAB	Malaysian
12	PHAM NGOC TUAN	AMD	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN TRUONG	AMD	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LE THANH TAN	AMD	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	AMD	67-68	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	76	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH CU	AMD	69-71	3	19		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH HA	AMD	85	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	79	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN DUC CUONG	AMD	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	DO THE THANH	AMD	86-87	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NGOC TAN	P6	82-83	2	10	10	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

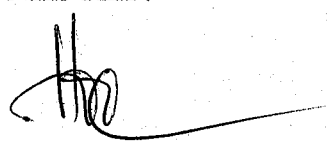
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	30	170	1.439	45	17		
2	P6	1	2	10	60	10	2		
3	BK19	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	32	180	1.499	55	22		
WEIGHT KG				180	1.499	55			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

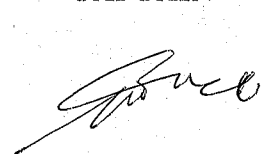
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/04/2023	TO: BK15 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

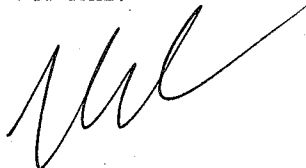
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TIẾN ĐẠT	BK15	54	1	7		65	DK9	Vietnamese
2	NGÔ KIM NGHIỆP	BK5	39	1	14	40	81	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÙNG	BK5	40	1	10	20	80	CODIEN	Vietnamese
4	HOÀNG MINH QUÂN	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	96-97	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NÀNG PHONG	PPD	92	1	4	8	77	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN ĐẠO	PPD	84	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	93-94	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	98	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH TRÍ	PPD	85	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TIẾN ĐẠT	PPD	79-80	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	86	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	82-83	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	95	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	99	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BIÊN MINH SƠN	PPD	90	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	91	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ TRƯỞNG KIẾN	PPD	88-89	2	13		95	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	87	1	6		69	KHI	Vietnamese
22	TRẦN THẾ NGUYỄN	PPD	600	1	9		75	XAYIAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

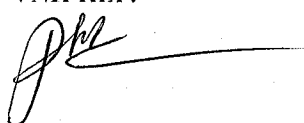
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	1	1	7	65	0	0		
2	BK5	2	2	24	161	60	0		
3	PPD	19	21	120	1.378	8	22		
TOTAL		22	24	151	1.604	68	22		
WEIGHT KG				151	1.604	68			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: CNV - BK9 - BK8	CREW: Nam - Sơn - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

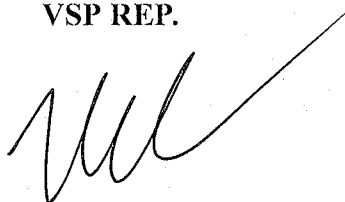
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	07	1	10	23	81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	10	1	4	50	67	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN THAI	CNV	11	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	97	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HẠO	CNV	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN THỊNH	CNV	92	1	7		64	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG PHÚC PHI	CNV	03-04	2	12		69	HA VIỆT	Vietnamese
9	LÊ VĂN TỈNH	CNV	300.99	2	15		56	HA VIỆT	Vietnamese
10	MAI VĂN THỊN	CNV	93-94	2	11		71	HA VIỆT	Vietnamese
11	NGUYỄN MẬU THÔNG	CNV	01	1	10		79	HA VIỆT	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TUẤN	CNV	95-96	2	10		65	HA VIỆT	Vietnamese
13	PHAN VĂN BỀN	CNV	08-09	2	15		69	HA VIỆT	Vietnamese
14	TRỊNH NGỌC HÙNG	CNV	98	1	11		62	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGO VĂN BÌNH	CNV	05-06	2	10		63	HA VIỆT	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC TÙNG	BK9	83	1	7	20	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK9	85	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN TÙNG	BK9	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TIỀN CUÔNG	BK9	82	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	TRẦN LÊ CHIẾN	BK8	34-35	2	20	16	80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN TUYẾT	BK8	33	1	15		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	15	21	139	1,013	73	7		CHUYEN 6 PAX BK9-BK8
2	BK9	5	5	32	333	20	7	+6	
3	BK8	2	3	35	155	16	0		
TOTAL		22	29	206	1,501	109	14		
WEIGHT KG				206	1,501	109			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

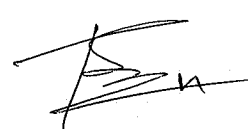
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: CTK3 - BK20 - RP3 - RC4	CREW: CHIẾN - NPhú - DTùng	ETA: 11:25
Can - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CÙ XUÂN HUY	CTK3	11	1	11		64	HVJOC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG HÀ	CTK3	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	51	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	41	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI KHÁC PHONG	CTK3	05	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	HÀ MINH GIANG	CTK3	54	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	06-07	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	13-14	2	14		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TUÔNG	CTK3	08-09	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN DÂN	CTK3	49-50	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	43-44	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	42	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SỸ LONG	CTK3	10	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH QUANG	CTK3	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	16	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	02-03	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUANG THAI	CTK3	29	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	15	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN THANH	BK20	01	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SÁU	BK20	14	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	26	169	1.457	0	16		
2	BK20	2	2	13	142	0	2		
3	RP3	0	0	0	0	0	1		
4	RC4	0	0	0	0	15	3		
TOTAL		22	28	182	1.599	15	22		
WEIGHT KG				182	1.599	15			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLO - TD1	CREW: Dương - KHOÀN - Q.Trường	ETA: 09:20
XANH-1			

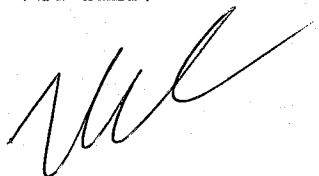
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG VĂN HUNG	CLO	23	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	22	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
3	PIAN CÔNG PHU	CLO	21	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	11	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	64,24	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	12	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	10	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1				70	72	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HỘI	TD1	67	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THIỀU	TD1	73	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	72	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	75	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN NINH	TD1	66	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1				25	50	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	65	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
16	BADRETDINOV EDGAR	TD1	74	1	11		76	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN VĂN NGHI	TD1	64	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN DŨNG	TD1	71	1	3		76	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	TD1	68	1	5		77	PSV	Vietnamese
20	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	70	1	3		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	69	1	3		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

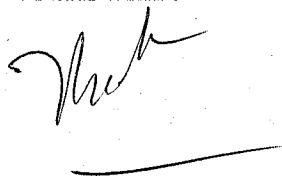
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	8	43	520	0	4		
2	TD1	14	12	64	996	95	18		
TOTAL		21	20	107	1.516	95	22		
WEIGHT KG				107	1.516	95			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

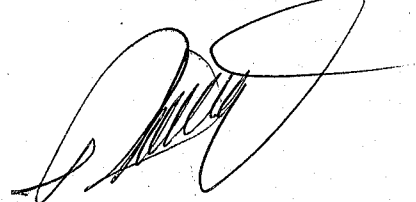
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2023	TO: BK10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:25
CAM-1			

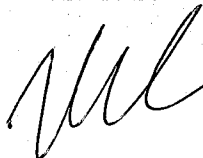
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH HAI	BK10	97	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	VU MINH TUNG	BK10	91	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN BUI QUANG	BK10	90	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN KIM HUNG	BK10	96	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN THANH TUAN	BK10	99,400	2	20		74	PVD BH	Vietnamese
6	LE TRUNG HIEU	BK10	94-95	2	16		65	PVD BH	Vietnamese
7	NGUYỄN HUU TRUNG	BK10	86	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TỊNH	BK10	77	1	9		84	KHOAN	Vietnamese
9	LAI CAO THANH	BK10	92	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
10	LE HAI NGAN	BK10	88	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN GIN	BK10	80	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HUU TRIỆT	BK10	93	1	12		65	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN HAM HA	BK10	87	1	3		63	DVL	Vietnamese
14	TRẦN MINH BẠCH	BK10	81	1	7		61	PSV	Vietnamese
15	LE MINH HOAN	BK10	85	1	8		78	PSV	Vietnamese
16	VU VĂN THAM	BK10	89	1	3		60	PSV	Vietnamese
17	LUU VĂN TRỌNG	BK10	84	1	3		53	PSV	Vietnamese
18	HOANG HUU THỌ	BK10	82	1	7		73	PSV	Vietnamese
19	LE MINH MINH	BK10	83	1	5		71	PSV	Vietnamese
20	LE VĂN HUNG	BK10	79	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	PHAN MINH TUAN	BK10	78	1	5		76	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK10	98	1	7		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

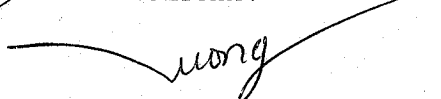
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	22	24	178	1.486	0	20		
	TOTAL	22	24	178	1.486	0	20		
	WEIGHT KG			178	1.486	0			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Phi công đã kiểm Manifest

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 326 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: P4 - TD3 - P8	CREW: Dương - XHOÀN - QTrưởng	ETA: 11:40
XANH-2			

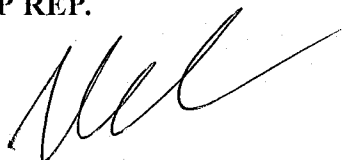
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC VŨ	P4	37	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ VĂN HIỆP	P4	29-30	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG SỸ CHIẾN	P4	16	1	16		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HAI	P4	31-32	2	22		62	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ XUÂN ĐẠT	P4	17	1	17		58	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P4	18-19	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN SẮC	P4	26	1	13		67	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN TUẤN	P4	22-23	2	12		78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN THỂ	P4	20-21	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHÁNH	P4	33-34	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN SỸ TÍNH	P4	27-28	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ NGỌC HIỆU	P4	38-39	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI TRỌNG TRIU	P4	42-43	2	25		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THANH TRUỞNG	P4	24-25	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM BA HOANG	P4	40-41	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC HOA	P4	35-36	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THỨC	TD3	27-28	2	20		62	MERMAID	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC MINH	TD3				40	65	MERMAID	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN THẮNG	P8	01,78	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

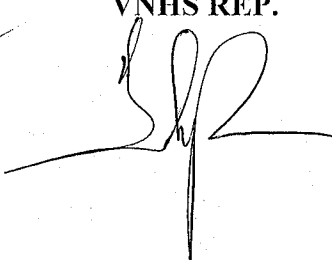
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	28	277	1.090	0	14		
2	TD3	2	2	20	127	40	6		
3	P8	1	2	22	65	0	2		
TOTAL		19	32	319	1.282	40	22		
WEIGHT KG				319	1.282	40			

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

